

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2023.
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ An

+ Ông Nguyễn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Th, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn X 1, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà **Võ Thị Kiều M** trình bày: Bà M và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã D vào ngày 22/4/2013. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Ông Đ rất gia trưởng và bảo thủ làm không khí gia đình căng thẳng. Bà M đã nhiều lần khuyên bảo, cho nhiều cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ngày càng xa cách, bà M và ông Đ đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2022 cho đến nay. Bà M xác định không còn tình cảm với ông Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Có 02 con chung là **Nguyễn Ngọc Tú A**, sinh ngày 12/8/2018 và **Nguyễn Ngọc Yến T**, sinh ngày 21/01/2014. Sau khi ly

hôn, bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú A; bà M đồng ý giao cháu Yến T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; bà M, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có.

Đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ**, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đối với ông Đ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn ông Đ; Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 12/8/2018** cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung **Nguyễn Ngọc Yến T, sinh ngày 21/01/2014** cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ, bà M không cấp dưỡng nuôi con chung; ông Đ, bà M có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên không xem xét; Về án phí: Bà M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị Kiều M** và ông **Nguyễn Văn Đ** tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D vào ngày 22/4/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn ông Đ. Xét trong thời gian chung sống giữa bà M và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh đã gửi thông báo về yêu cầu ly hôn của bà M cũng như văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần cho ông Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Điều này cho thấy, ông Đ không còn quan tâm, mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Mặt khác, tại nội dung trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã Suối Tiên ngày 11/11/2022 cung cấp cho Tòa án, hiện bà M, ông Đ đã không còn chung sống với nhau từ lâu. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn ông Đ.

[3]. Về con chung: Bà M xác định giữa bà và ông Đ có 02 con chung là [Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 12/8/2018](#) và [Nguyễn Ngọc Yến T, sinh ngày 21/01/2014](#). Hội đồng xét xử nhận thấy, theo bà M trình bày tại Tòa, hiện cháu A đang ở với bà M, cháu T đang ở với ông Đ; bà M và ông Đ có đủ điều kiện nuôi con chung. Nên chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; cháu T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bà M, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà M, ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Võ Thị Kiều M được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung [Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 12/8/2018](#) cho bà Võ Thị Kiều M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung [Nguyễn Ngọc Yến T, sinh ngày 21/01/2014](#) cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà M, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà M, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà M, ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Kiều M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008097 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án

sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã D, D (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ